

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN U
TỈNH C**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 29/2025/HNGĐ-ST
Ngày 14-3-2025
V/v Ly hôn

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN U, TỈNH C

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Huỳnh Việt Hằng.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Trần Công Đăng;

Ông Trịnh Ngọc Dung.

- Thư ký phiên tòa: Ông Huỳnh Gia Mẫn, Thư ký Tòa án nhân dân huyện U, tỉnh C.

Ngày 14 tháng 3 năm 2025 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện U, tỉnh C xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 338/2024/TLST-HNGĐ ngày 02 tháng 10 năm 2024 về việc “Ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 21/2025/QĐXXST-HNGĐ ngày 24 tháng 01 năm 2025, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà Trần Thị L, sinh ngày 06/7/1995.

Địa chỉ: Ấp A, xã K, huyện U, tỉnh Cà Mau.

- Bị đơn: Ông Nguyễn Văn L1, sinh ngày 15/4/1984.

Địa chỉ: Ấp A, xã K, huyện U, tỉnh Cà Mau.

(Nguyên đơn vắng mặt có yêu cầu xét xử vắng mặt, bị đơn vắng mặt không lý do).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Tại đơn khởi kiện ngày 24 tháng 9 năm 2024 và quá trình tố tụng, nguyên đơn bà Trần Thị L trình bày:

Năm 2016, được sự đồng ý của hai gia đình nên bà với ông L1 tự nguyện chung sống với nhau, đến tháng 12/2023 đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã K, huyện U, tỉnh Cà Mau. Vợ chồng chung sống đã có 03 con chung. Nhưng quá trình chung sống vợ chồng không hạnh phúc, luôn xảy ra mâu thuẫn do bất đồng ý kiến trong sinh hoạt hàng ngày, vợ chồng không có tiếng nói chung, không có sự tôn trọng, nhường nhịn nhau dẫn đến thường xuyên cự cãi, giận dỗi. Chồng thường xuyên uống rượu rồi chửi mắng, xúc phạm uy tín, danh dự bà và gia đình bà. Mâu thuẫn vợ chồng kéo dài ngày càng gay gắt và trầm trọng không thể hàn

gắn được. Bà nhận thấy vợ chồng không còn tình cảm, cuộc sống vợ chồng không còn hạnh phúc nên yêu cầu ly hôn với ông Nguyễn Văn L1.

Về con chung: Có 03 con chung tên Nguyễn Lưu L2, sinh ngày 25/11/2016 hiện do ông L1 nuôi dưỡng; Nguyễn Lê K, sinh ngày 08/12/2020 và Nguyễn Ngọc N, sinh ngày 03/6/2023 hiện do bà nuôi dưỡng. Sau khi ly hôn, bà yêu cầu được tiếp tục trực tiếp nuôi Nguyễn Lê K và Nguyễn Ngọc N, bà không yêu cầu cấp dưỡng. Bà đồng ý để ông L1 trực tiếp nuôi Nguyễn Lưu L2. Bà yêu cầu được thăm con không ai có quyền ngăn cản.

Về tài sản chung và nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết

- Bị đơn đã được tổng đạt hợp lệ văn bản tố tụng nhưng không có văn bản có ý kiến đối với yêu cầu của nguyên đơn, vắng mặt tại phiên tòa.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng: Tranh chấp giữa bà Trần Thị L và ông Nguyễn Văn L1 được xác định là tranh chấp hôn nhân gia đình về việc ly hôn và thuộc thẩm quyền của Tòa án nhân dân huyện U, tỉnh C theo quy định tại khoản 1 Điều 28, Điều 35, Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Ông L1 đã được triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vắng mặt tại phiên tòa không có lý do, bà L có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt, căn cứ vào khoản 1, khoản 2 Điều 227 và Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án xét xử vắng mặt ông L1, bà L.

[2] Về nội dung: Xét thấy, bà Trần Thị L và ông Nguyễn Văn L1 tự nguyện chung sống với nhau, có đăng ký kết hôn theo quy định nên quan hệ hôn nhân của bà Trần Thị L và ông Nguyễn Văn L1 là hợp pháp, được pháp luật bảo vệ. Quá trình chung sống giữa vợ chồng bà Trần Thị L và ông Nguyễn Văn L1 xảy ra mâu thuẫn, đối với yêu cầu ly hôn của bà L, ông Lưu K1 có ý kiến. Bà L xác định vợ chồng đã không tình cảm và vẫn giữ yêu cầu ly hôn với ông L1, điều này cho thấy, tình trạng hôn nhân giữa bà L với ông L1 đã mâu thuẫn trầm trọng, vợ chồng không có sự quan tâm lẫn nhau, mục đích hôn nhân không đạt, vì vậy, bà L yêu cầu ly hôn ông L1 là có căn cứ được Hội đồng xét xử chấp nhận.

- Về con chung: Ông Lưu K1 có ý kiến đối với yêu cầu của bà L về con chung. Xét thấy, bà L xác định con chung tên Nguyễn Lưu L2 hiện do ông L1 nuôi dưỡng, bà L cũng đồng ý giao con chung cho ông L1 tiếp tục nuôi dưỡng nên để đảm bảo quyền lợi của con chung, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của bà L về con chung tên Nguyễn Lưu L2, giao con chung tên Nguyễn Lưu L2 cho ông L1 tiếp tục nuôi dưỡng. Đối với con chung tên Nguyễn Lê K và Nguyễn Ngọc N hiện do bà L nuôi dưỡng và bà Lê C yêu cầu được tiếp tục nuôi con, xét thấy yêu cầu của bà L được tiếp tục nuôi con là có căn cứ và đảm bảo quyền lợi của các con chung nên Hội đồng xét xử chấp nhận, giao con chung tên Nguyễn Lê K, sinh ngày 08/12/2020 và Nguyễn Ngọc N, sinh ngày 03/6/2023 cho bà L tiếp tục nuôi dưỡng. Bà Lê K2 yêu cầu cấp dưỡng nên không xem xét. Ông L1, bà L có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung không trực tiếp nuôi dưỡng, không ai được cản trở. Nghĩa vụ cấp dưỡng không yêu cầu nên không xem xét.

- Về tài sản chung, nợ chung: Không yêu cầu nên không xem xét.

[3] Án phí dân sự sơ thẩm bà Trần Thị L phải chịu 300.000 đồng.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28; khoản 4 Điều 147; khoản 1, khoản 2 Điều 227, Điều 228, Điều 271; khoản 1 Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự; Áp dụng các Điều 51, 56, 81, 82 của Luật Hôn nhân và Gia đình; Áp dụng khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

- Về quan hệ hôn nhân: Bà Trần Thị L được ly hôn với ông Nguyễn Văn L1.

- Về con chung: Giao con chung tên Nguyễn Lưu L2, sinh ngày 25/11/2016 cho ông Nguyễn Văn L1 tiếp tục nuôi dưỡng. Giao con chung tên Nguyễn Lê K, sinh ngày 08/12/2020 và Nguyễn Ngọc N, sinh ngày 03/6/2023 cho bà Trần Thị L tiếp tục nuôi dưỡng. Ông L1, bà L có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung không trực tiếp nuôi dưỡng, không ai được cản trở.

- Về tài sản chung, nợ chung: Không yêu cầu nên không xem xét.

- Án phí dân sự sơ thẩm bà Trần Thị L phải chịu 300.000 đồng. Bà Trần Thị L đã nộp tạm ứng án phí 300.000 (Ba trăm ngàn) đồng theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0006696 ngày 02/10/2024 của Chi cục thi hành án dân sự huyện U, tỉnh C chuyển thu án phí.

- Các đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh C;
- VKSND huyện U;
- Chi cục THADS huyện U;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ, văn thư.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Huỳnh Việt Hằng